

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HS-ST
Ngày 30-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiến và ông Phạm Đình Bông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2023/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25a/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Hà Văn T, sinh năm 1993, tại tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị Đ (sinh năm 1968); có vợ Lô Thị Thu H, sinh năm 1999 và 01 con sinh năm 2017; 01 tiền án: Tại bản án số 161/2018/HSPT, ngày 24/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 05 tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 27/4/2021; 01 tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC, ngày 02/02/2023 Công an huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xử phạt 10.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích và cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân” chưa nộp tiền xử phạt; Về nhân thân: Tại Bản án số 20/2013/HSST, ngày 31/5/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tại Bản án số 42/2014/HSST, ngày 23/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Nô về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” - Có mặt.

- Bị hại: Ông Lương Ngọc L, sinh năm 1979 - Có mặt.

Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 - Có mặt.

Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk

2. Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1976 - Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/01/2023 ông Lương Ngọc L cùng vợ là Nguyễn Thị M từ Buôn P, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk đến Công an huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông để nhận lại chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter BKS 59Y1-625.84 mà trước đó bị tạm giữ. Sau khi nhận xe, do bị mất chìa khóa điện nên ông L nhờ Hà Văn T (bạn của con trai ông L) đi làm chìa khóa mới giúp. T đồng ý dắt xe đi làm chìa khóa mới, rồi nói ông L, bà M về nhà T ở thôn Đ, xã Đ. Sau khi làm xong chìa khóa xe, tại nhà T ở thôn Đ, xã Đ, huyện K, T hỏi mượn chiếc xe Exciter BKS 59Y1-625.84 của ông L để làm phương tiện đi lại trong 03 ngày Tết nguyên đán. Do có mối quan hệ quen biết nên ông L đồng ý và giao giấy đăng ký xe cho T. Đến ngày 22/01/2023 Hà Văn T đã cầm cố chiếc xe trên cho tiệm cầm đồ Thành Đ do ông Nguyễn Đức Đ làm chủ với số tiền 6.000.000 đồng, ngày 05/02/2023 T đến bán chiếc xe trên cho tiệm cầm đồ Thành Đ và lấy thêm số tiền 1.000.000 đồng, toàn bộ số tiền trên T đã sử dụng tiêu xài cá nhân.

Sau khi giao xe cho Hà Văn T mượn, ngày 27/01/2023 ông L gọi điện cho T để lấy lại xe, Thế hẹn ông L đến nhà T ở thôn Đ, xã Đ, huyện Krông Nô để nhận lại xe. Tuy nhiên, chiều cùng ngày, ông L ra nhà T để lấy xe, nhưng không thấy T ở nhà, gọi điện thoại, thì T tắt máy, không liên lạc được với T. Sau nhiều ngày gọi điện thoại và đi tìm T nhưng không liên lạc và không gặp được, ngày 10/02/2023 ông Lương Ngọc L phát hiện chiếc xe mô tô của mình đã được Hà Văn T bán cho tiệm điện thoại và cầm đồ Thành Đ thuộc Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện K nên đã đến cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô trình báo nội dung sự việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản huyện Krông Nô, kết luận: Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter BKS 59Y1-625.84 tại thời điểm tháng 01 năm 2023 có giá trị là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô đã thu giữ: 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter BKS 59Y1-625.84 đã qua sử dụng; 01 (Một) giấy đăng ký số 039788, xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter BKS 59Y1-625.84 mang tên Phạm Trọng N; 01 (Một) giấy bán xe mô tô.

Cáo trạng số 26/CT-VKS-KrN, ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo Hà Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Hà Văn T nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô và thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, không oan.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng tiền chi phí đi lại tìm T lấy lại tài sản; Đối với ông Nguyễn Đức Đ yêu cầu T hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng mà ông Đ đã mua lại chiếc xe của T. Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường cho ông L số tiền 2.000.000 đồng và đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 7.000.000 đồng.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô khẳng định việc truy tố Hà Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Krông Nô để

xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người đúng tội, đúng pháp luật và giữ nguyên bản Cáo trạng số 26/CT-VKS-KrN, ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Văn T từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận việc cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô trả lại: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter BKS 59Y1-625.84; 01 giấy đăng ký số 039788 cho ông Lương Ngọc L là chủ sở hữu hợp pháp. Đối với giấy mua bán xe, đính kèm lưu hồ sơ vụ án; Truy thu số tiền 7.000.000 đồng do bị cáo Hà Văn T có được từ việc phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu giải quyết số tiền 2.000.000 đồng; Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Đ yêu cầu bị cáo T hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng mà ông Đ đã mua lại chiếc xe của bị cáo T. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo T bồi thường cho ông L tiền chi phí đi lại số tiền 2.000.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau;

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Vào ngày 19/01/2023 tại nhà của Hà Văn T ở thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, lợi dụng mối quan hệ quen biết T đã mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter BKS 59Y1-625.84 của ông Lương Ngọc L để đi lại. Đến ngày 22/01/2023 T mang chiếc xe mô tô trên đi cầm đồ rồi bán lại cho tiệm cầm đồ Thành Đ ở tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Krông Nô lấy số tiền

7.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Như vậy, bị cáo Hà Văn T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Điều 175. Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình của họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản, mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, Bị cáo có nhân thân xấu từng 03 lần phạm tội xâm phạm sở hữu. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài nhân thân xấu ra bị cáo đã 2 lần bị Toà án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đều xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 20/2013/HSST, ngày 31/5/2013 và tại Bản án số 42/2014/HSST, ngày 23/9/2014, đồng thời bị cáo mới chấp hành xong hình phạt 05 tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 161/2018/HSPT, ngày 24/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chưa được xóa án tích và 01 tiền sự chưa nộp tiền xử phạt 10.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích và cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11/QĐ-XPHC, ngày 02/02/2023 Công an huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Đến ngày 19/01/2023 bị cáo T tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý, đang bị tạm giam một vụ án khác. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp; không có thu nhập và tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị hại đã nhận lại tài sản. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền chi phí đi lại tìm bị cáo để lấy lại xe với số tiền

2.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường 2.000.000 đồng. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo T bồi thường cho ông Lương Ngọc L tiền chi phí đi lại số tiền 2.000.000 đồng.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Đ yêu cầu bị cáo T hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng mà ông Đ đã mua lại chiếc xe của bị cáo T. Xét thấy, ông Đ người đã mua chiếc xe mô tô của bị cáo T tại thời điểm mua xe, ông Đ không biết chiếc xe trên không thuộc quyền sở hữu của bị cáo T. Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 7.000.000 đồng. Vì vậy cần buộc bị cáo T phải thanh toán cho ông Đ số tiền 7.000.000 đồng.

[5]. Đối với ông Nguyễn Đức Đ người đã mua chiếc xe mô tô của Hà Văn T, tại thời điểm mua xe, ông Đ không biết chiếc xe trên không thuộc quyền sở hữu của T nên không có căn cứ xử lý.

[6]. Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ cần chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô trả lại: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter BKS 59Y1-625.84; 01 giấy đăng ký số 039788 cho ông Lương Ngọc L là chủ sở hữu hợp pháp. Đối với giấy mua bán xe, đính kèm lưu hồ sơ vụ án; Đối với yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy thu số tiền 7.000.000 đồng do bị cáo T có được từ việc phạm tội, Xét thấy, chiếc xe mô tô đã được cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô trả cho bị hại, đồng thời bị cáo thỏa thuận bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền 7.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm xử lý của viện kiểm sát đối với việc truy thu số tiền 7.000.000 đồng từ việc phạm tội của bị cáo.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Hà Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm là (9.000.000 đồng x 5%) = 450.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Buộc bị cáo Hà Văn T bồi thường cho ông Lương Ngọc L số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); Buộc bị cáo Hà Văn T phải thanh toán cho ông Nguyễn Đức Đ số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô trả lại: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter BKS 59Y1-625.84; 01 giấy đăng ký số 039788 cho ông Lương Ngọc L là chủ sở hữu hợp pháp; Đối với giấy mua bán xe, đính kèm lưu hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Hà Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm số tiền 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện Krông Nô;
- Cơ quan THAHS-CA huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo,
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thị Nhi